

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày 25 tháng 02 năm 2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Duyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Tấn Phát**.

2/ Bà **Phạm Thị Hồng Thái**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Thùy Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Khánh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **04/2022/QĐST-DS** ngày 11 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **NGUYỄN THỊ TUYẾT M**, sinh năm 1969 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp T T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh.

* **Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2021):** Bà **Lê Thị C**, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ MB, ấp T T, xã T H, huyện T C, tỉnh Tây Ninh - (có đơn đề nghị xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà **LÊ THỊ TUYẾT N**, sinh năm 1970 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, ấp T T, xã T T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2021 và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị C trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 29/12/2020 DL, bà Nguyễn Thị Tuyết M có cho bà Lê Thị Tuyết N vay số tiền 35.000.000 đồng, không thể chấp tài sản, bà N

có viết giấy nợ, thỏa thuận miệng lãi suất 02%/ tháng, thời hạn vay 01 tháng trả cả gốc và lãi, bà N vay tiền để trả nợ vay cho ngân hàng hẹn sau khi vay đáo hạn xong sẽ trả lại cho bà M, nhưng sau đó bà N không vay lại tiền của ngân hàng nên không có tiền trả lại cho bà M, bà N có hứa bán đất được sẽ trả nhưng kéo dài đến nay. Từ khi vay tiền đến nay, bà N chưa trả cho bà M số tiền gốc, lãi nào.

Nay bà M yêu cầu bà N trả số tiền gốc 35.000.000 đồng và tính tiền lãi theo mức lãi suất của ngân hàng là 0,83%/ tháng từ ngày vay cho đến nay. Khi nhận tiền chỉ có một mình bà N đi nhận và ký tên vào giấy nợ, hơn nữa số tiền vay cũng ít, nên bà M chỉ yêu cầu một mình bà N có nghĩa vụ trả số tiền này, không yêu cầu chồng của bà N liên đới trả.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bà N nhưng bà N không lần nào có mặt. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của bà N. Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2021, Trưởng Ban quản lý ấp T T cung cấp thông tin như sau: Bà Lê Thị Tuyết N có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại ấp T T, xã T T, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nhưng thường vắng mặt tại nhà. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Do bà N không có mặt ở địa phương nên Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, văn bản tố tụng cho bà N bằng thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các bên đương sự đều vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- **Về quan điểm giải quyết vụ án:** Giấy vay tiền ngày 29/12/2020 có nội dung bà Nguyễn Thị Tuyết M cho bà Lê Thị Tuyết N vay 35.000.000 đồng. Bà M trình bày chữ viết trong giấy vay tiền này là của một người phụ nữ đi cùng bà N, bà M không quen biết người này; chữ ký và chữ viết Lê Thị Tuyết N là của bà N. Bà M không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của bà N và từ khi thụ lý vụ án đến nay do bà N vắng mặt tại nơi cư trú nên không trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Do đó không có đủ căn cứ cho rằng chữ ký, chữ viết dưới mục bên mượn nợ là của bà N, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị C là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Lê Thị Tuyết N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ **khoản 1 Điều 238** của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 29/12/2020 có chữ ký của bên mượn là Lê Thị Tuyết N, do bà N không trả tiền cho bà M là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên bà M khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Hiện nay bà N có nhà đất, có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng bà N vẫn không có mặt, **thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật**, nên không thu thập được lời khai của bà N. Do bà N không đến, nên Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối chất lời khai và hòa giải vụ án được. Tòa án có tổng đạt giấy vay tiền, kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải trong đó có nêu rõ yêu cầu khởi kiện của bà M theo thủ tục niêm yết công khai, nhưng bà N vẫn không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ án này.

Việc bà Mai không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết họ tên của bà Lê Thị Tuyết N trong giấy nợ với lý do không có chữ ký, chữ viết nào khác của bà N để làm mẫu so sánh là phù hợp, hơn nữa bà N cũng không có ý kiến trình bày là chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền ngày 29/12/2020 không phải là của bà N.

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định ngày 29/12/2020 bà N có vay của bà M số tiền 35.000.000 đồng.

Xét việc bà M yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/ tháng, tương đương 9,96%/ năm thấp hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên có cơ sở chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau:

$35.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 26 \text{ ngày (từ ngày 29/12/2020 đến ngày 25/02/2022)} = 4.028.500 \text{ đồng}.$

Do đó, cần buộc bà N có nghĩa vụ trả cho bà M tiền gốc và lãi tổng cộng là **39.028.500 đồng** (ba mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

[4] Về án phí: Bà N phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết M đối với bà Lê Thị Tuyết N.

Buộc bà Lê Thị Tuyết N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền gốc 35.000.000 đồng và tiền lãi 4.028.500. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 39.028.500 đồng (ba mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà N còn phải trả cho bà M số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Tuyết N phải chịu 1.951.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tuyết M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001593 ngày 16 tháng 7 năm 2021.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- Chi cục THADS TP.Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.^(D)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký